TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HS-ST
Ngày: 22-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dương;

2. Bà Đinh Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Hồng Chiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17, 22 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2023 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Lý Minh T (tên gọi khác: không), sinh ngày 12/01/2004, tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lý Trọng T1 (đã chết) và bà Phạm Thị T2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 29/4/2021, Công an phường T, thành phố T xử phạt vi phạm hành chính Cảnh cáo về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy"; bị bắt tạm giữ từ ngày 26/5/2023 đến ngày 01/6/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* chị Phạm Thị T2, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Ông Đinh Hồng T3. (vắng mặt);

+ Ông Trần Ích C. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 0 giờ 10 phút, ngày 26/5/2023, tại khu vực đường L, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình, tổ công tác Công an thành phố T phát hiện Lý Minh T đang đứng một mình tại lề đường bên phải (theo hướng T đi Y), tổ công tác yêu cầu kiểm tra hành chính đối với T. Tại chỗ T khai nhận họ tên, tuổi, địa chỉ đồng thời khai nhận là người sử dụng ma túy và đang cầm trên tay phải của mình 02 túi ma túy Ketamine vừa mua được với mục đích để sử dụng. T giao nộp 02 túi ma túy cho tổ công tác. Tổ công tác tiến hành kiểm tra 02 túi mà T giao nộp đều là 02 túi nilon màu trắng, có viền xanh một đầu, cùng kích thước (3x3)cm, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. Tổ công tác tiến hành thu giữ, niêm phong 2 túi nilon vào trong một phong bì giấy dán kín mép theo quy định rồi đưa T về trụ sở công an phường T lập biên bản. Ngoài ra, còn thu giữ của T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SCR, BKS 35H1-5308; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu bạc, bên trong lắp 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen đã qua sử dụng; số tiền 2.045.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng chất tinh thể màu trắng trong 02 túi nilon thu giữ của Lý Minh T và kí hiệu lần lượt M1, M2 gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 435/KL-KTHS-MT ngày 31/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: *"Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 1,0037 gam; ký hiệu M2 có khối lượng 0,8545g gam. Tổng khối lượng chất dạng tinh thể màu trắng trong hai mẫu ký hiệu M1, M2 là 1,8582 gam. Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M1, M2 đều là ma túy, loại Ketamine. Ketamine là chất ma túy thuộc Danh mục III, số thứ tự 40, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ".*

Tại bản cáo trạng số 61/CT-VKSTĐ ngày 16 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Lý Minh T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lý Minh T và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Lý Minh T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lý Minh T từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 26/5/2023.

+ Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ các vật chứng, bao gồm: số ma túy còn lại sau định và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong; 02 túi nilon màu trắng có viền xanh một đầu.

Trả lại cho bị cáo số tiền 45.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Phạm Thị T2 trình bày: chiếc xe máy mô tô nhãn hiệu Honda SCR, BKS 35H1-5308, đã qua sử dụng và số tiền 2.000.000 đồng là của chị. Ngày 25/5/2023, chị nhờ T đi đổi 2.000.000 đồng thành tiền lẻ do không có xe nên T đã lấy xe mô tô trên của chị để đi đổi tiền. Sau đó, việc T sử dụng xe mô tô trên để đi mua ma túy chị không biết. Đến nay, chị đã nhận lại chiếc xe mô tô, số tiền 2.000.000 đồng và không có ý kiến đề nghị gì.

Người làm chứng ông Đinh Hồng T3, ông Trần Ích C đều trình bày: khoảng 0 giờ 10 phút, ngày 26/5/2023, các ông thấy Công an đến yêu cầu kiểm tra hành chính đối với Lý Minh T , tại chỗ khai báo tên tuổi địa chỉ và tự giao nộp cho Công an 02 túi nilon đang cầm ở tay phải, T khai nhận là ma túy loại Ketamine mang theo để sử dụng. Diễn diến sự việc đúng như cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, bị cáo Lý Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình với diễn biến sự việc đúng như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khẳng định bản thân bị truy tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là đúng người, đúng tội, đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án. Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người làm chứng. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL11-BL14), Biên bản mở niêm phong cân xác định khối lượng lấy mẫu gửi giám định và niêm phong lại (BL34), Kết luận giám định số 435/KL-KTHS-MT ngày 31/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh N (BL38) và các tang vật, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở kết luận: ngày 26/5/2023, tại đường L, tổ A, phường T, thành phố T, bị cáo Lý Minh T có hành vi tàng trữ 1,8582 gam ma tuý loại Ketamine để sử dụng thì bị Cơ quan Công an phát hiện.

[2] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi tàng trữ 1,8582 gam ma tuý loại Ketamine trong người để sử dụng cho bản thân như đã nêu trên là trái phép và cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy.Trực tiếp là hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và tệ nạn xã hội.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

……

g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam…”.

Như vậy, hành vi của bị cáo Lý Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo.

Về nhân thân: bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 2021 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đến nay đã đủ điều kiện được coi là chưa bị xử phạt hành chính.

[4] Về hình phạt: xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, khối lượng chất ma tuý bị cáo tàng trữ, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo cần phải có hình phạt thích đáng đối với bị cáo, buộc bị cáo phải chịu hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nhưđề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, có như vậy mới có tác dụng giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và cho xã hội, đồng thời đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: bị cáo phạm tội để phục vụ cho nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, không có mục đích kiếm lời nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SCR, BKS 35H1-5308 qua điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Phạm Thị T2 (là mẹ đẻ của T). Việc bị cáo sử dụng xe đi mua ma túy chị không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại xe mô tô cho chị T2 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, bên trong lắp 01 sim Viettel và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, bên trong không lắp sim. Quá trình điều tra xác định 02 chiếc điện thoại và sim là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho bị cáo, chị T2 (là mẹ đẻ của bị

cáo) đã nhận lại theo ủy quyền là đúng quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng là tiền của chị T2, chị T2 nhờ T đổi hộ tiền lẻ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho chị T2 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với các vật chứng đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/7/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp. Trong đó, số ma túy là vật cấm tàng trữ, các vật chứng còn lại không còn giá trị sử dụng nên căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 45.000 đồng là tiền của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo.

[7] Về nguồn gốc ma túy: bị cáo khai nhận ngày 25/5/2023, bị cáo mua được của một người đàn ông không quen biết ở khu vực thị trấn Y, huyện Y. Tỉnh Ninh Bình. Do bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể, đặc điểm nhận dạng của người đó nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1.Tuyên bố: bị cáo Lý Minh T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lý Minh T 14 (mười bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 26/5/2023.

2. Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp.

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 01 phong bì giấy dán kín mép niêm phong, bên ngoài ghi số: 435/KL-KTHS-MT, vụ Lý Minh T, mẫu vật hoàn trả gồm M1= 0,9268 gam, M2= 0,7975 gam đều là ma túy Ketamine; toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong;

- 01 phong bì giấy dán kín mép niêm phong, bên ngoài ghi vật chứng lưu kho: 02 vỏ túi nilon màu trắng đều có viền xanh ở một đầu, cùng kích thước (3x3)cm;

(Chi tiết vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 24/7/2023 giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp)

+ Trả lại cho bị cáo số tiền 45.000 đồng.

(số tiền đã được chuyển đến tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp theo ủy nhiệm chi lập ngày 20/7/2023)

3. Về án phí: bị cáo Lý Minh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/8/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Cơ quan Điều tra CATP Tam Điệp;
- Cơ quan THA hình sự CATP Tam Điệp;
- Chi cục THA dân sự thành phố Tam Điệp;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Thị Bích Hồng

- Lưu: HSVA, VP.